

# DU-GIÀ LUẬN KÝ

## QUYỂN 14 (Phần Đầu)

### BẢN LUẬN QUYỂN 53

Trong mười môn thứ bảy, là giải thích nghĩa Nghiệp, tức là quyết định lựa chọn biểu sắc trong sở duyên của nhãn thức; thanh sở duyên của nhĩ thức và tư trong sự giúp đỡ của ý thức, cũng có thể quyết định chọn lựa chung số tư duy tương ứng với giúp đỡ của sáu thức kia, vì đều là tánh của nghiệp kia, trong đó có hai:

1/ Nói về ba nghiệp của ba tánh.

2/ Nói về ba nghiệp bất luật nghi, v.v...

Trong phần một, trước là nói về tướng của nghiệp. Sau là nói về giả, thật.

Lại nữa, thế nào là nghiệp biểu? Nghĩa là tóm tắt có ba thứ Đẳng. Pháp sư Cảnh bổ khuyết: Hai nghiệp thân, ngữ trong ba nghiệp biểu này, nếu tướng phần phát ra thể, nghĩa là từ ý tứ ba tánh biến đổi khởi sắc, tinh làm thể của nghiệp thân, ngữ; ý nghiệp kia sẽ lấy thân, ngữ căn bản đồng thời với ý tứ là thể của ý nghiệp. Nếu dứt bỏ tướng phần để y theo kiến phần phát ra thể, thì tức là lấy ý tứ căn bản dựa vào môn thân, ngữ, gọi là nghiệp thân, ngữ biểu. Tư của phương tiện trước, được gọi là nghiệp ý biểu.

Nghiệp vô biểu, nghĩa là nếu trong cõi Dục, nếu nghiệp thiện, bất thiện, tùy theo y theo ở tướng phần, hoặc dựa vào kiến phần phát ra thể của ba nghiệp, thì nghiệp kia đã huân tập thành hạt giống. Ngăn cấm sự nối tiếp nhau của hạt giống này, như điều thiện ngăn ngừa việc ác, việc ác ngăn cản điều thiện, giả lập hiện hành, tùy theo có kỳ hạn cần thiết chưa mãn đến nay, hạt giống nghiệp như thế, vận chuyển, tăng trưởng, gọi là thành tựu nghiệp. Nếu hạn chế thế lực lỗi lầm và hy vọng chấm dứt hạt giống nghiệp không tăng, thì gọi là xả nghiệp. Nếu đạo, định giới chỉ y theo ở nghĩa một niệm hiện khởi tương ứng với ý tứ, để lập ra bảy chi vô biểu. Một niệm có thể là lỗi của bảy chi, vì giáo pháp Đại

thừa, Tiểu thừa đều nói là đạo, định, luật nghi tùy tâm khởi, diệt, không thường nối tiếp nhau. Nếu y theo hạt giống để lập đạo, định, giới thì lỗi lầm sẽ nối tiếp nhau luôn, không được nói là tùy tâm khởi diệt. Bồ-tát tịnh giới, ý biểu thân, ngữ, hoặc y theo tướng phần; hoặc y theo ở kiến phần phát ra thể như trước. Nếu nghiệp vô biểu thì y theo hạt giống nghiệp, tùy theo kỳ nguyện xưa, một phen thọ lãnh xong, nhậm vận tăng thượng, cho đến Bồ-đề.

Kế là, giải thích về danh từ nghiệp vô biểu kia, thân, ngữ tướng phần, thể là sắc, thanh. Từ khi tác động khởi, biểu thị sự việc mừng, giận của ý tứ, tức là dùng tướng phần tiêu biểu ở kiến phần, cũng gọi là dùng tướng để biểu thị thể, nên Bách luận nói dòng chảy ngầm nổi lên làn sóng vỗ chập chùng mà tự biểu lộ. Nghiệp ý biểu, nghĩa là không thể biểu thị cho người biết, chỉ tự mình biểu thị rõ cảnh giới sở duyên. Nay nói nghiệp thân, ngữ biểu từ chủ thể biểu thị thân, ngữ được tên gọi. Nghiệp ý biểu, tức là từ tương ứng với cảnh liễu biệt làm nhân. Nghiệp vô biểu có hai nghĩa:

1/ Y theo hiện khởi thân, ngữ, tùy theo việc thiện, ác của thân ngữ kia, dùng tướng để biểu thị thích hợp với tánh tự biểu, gọi là nghiệp biểu. Nếu đối với tánh khác thì không thể biểu thị nhau, cũng gọi là “vô biểu”, như thiện không biểu thị ác, ác không biểu thị thiện v.v...

2/ Y theo ở hạt giống của nghiệp thân, ngữ, giả lập tánh nghiệp, không thể biểu thị các việc thiện, ác v.v... gọi là vô biểu.

Đạo, định luật nghi, dựa vào tâm khởi, diệt, không thể tùy sự việc có đối tượng biểu thị, gọi là nghiệp vô biểu. Trong đây chỉ nói nghiệp hữu biểu, lược qua không có đạo lý vô biểu, tất nhiên là có hạt giống.

Nghiệp ý biểu, nghĩa là nếu đối với biểu thị rõ cảnh của mình, gọi là nghiệp biểu, tức công năng làm biểu hiện. Thiện khác của tánh thiện, ác không thay thế ác, có đối tượng biểu hiện rõ điều ác, không thay việc thiện có đối tượng biểu thị rõ, cũng gọi là vô biểu. Nếu y theo hạt giống để lập nên nghiệp vô biểu của ý, thì cho dù y theo hạt giống, giả lập hiện hành, vẫn không thể biểu thị rõ cảnh giới sở hữu, gọi là ý vô biểu. Pháp sư Khuy Cơ nói đây là chiếu theo quyển này v.v... trở xuống, là giải thích về hai vô vi hư không v.v... xong, kết rằng hai mươi bốn pháp bất tương ứng v.v... như thế, đều là giả có. Xem thế văn, tức là gồm kết thứ năm mươi hai ở trước đến nay, cuối quyển trước nói: Hạt giống và nghiệp v.v... này đều là hàng phục vận hồi, nghĩa là bất tương ứng ở trước, chứng thành giả có. Ở trước nói hạt giống là giả, là thật. Đã nói hạt giống giả, thật rồi. Nghiệp được kiến lập trên hạt giống để nói. Nếu

giả hiện lập hạt giống trở xuống, vì bất tương ứng chưa hết, nên kiến lập định vô tướng v.v... ở trên hạt giống.

Nên nghiệp v.v... trở xuống, nói về ba bất tương ứng của định vô tướng v.v... tức là quyết định lựa chọn nghĩa nghiệp đạo của Quyết Trạch Bản Địa tám quyển.

Địa kia là địa tâm, từ, đây là ý địa, nên chẳng phải quyết định lựa chọn đúng.

Nói: - Nếu đối với mười nghiệp đạo v.v... bất thiện của thân, ngữ, ý. Pháp sư Cảnh nêu bảy thứ trước vừa là nghiệp, vừa là đạo, ba thứ sau: tham, sân, tà kiến, là đạo mà chẳng phải nghiệp, vì sao nay lại nói ba nghiệp thân, ngữ, ý gọi là mười nghiệp đạo bất thiện ư?

Giải thích: Vì, nay y theo ở ý nghiệp tương ứng đồng thời với tham, sân, tà kiến mà nói, nên nói là mười nghiệp đạo bất thiện của thân, ngữ, ý về mặt lý, ý tứ chẳng phải là ba đạo sau, vì nghiệp ý tứ là nghiệp, chứ chẳng phải Đạo.

Không lia, nghĩa là hạt giống của nghiệp này thường theo không lia. Vì sức tăng thượng của hiện hành nên bình đẳng, nghĩa là do hạt giống này đối với sức tăng thượng của hiện hành kia, sinh khởi tất cả nghiệp biểu nhiễm ô của thân, ngữ.

Luận sư Bị nói chưa lia Thánh đạo đã đối trị, nên nói không lia. Nay, giải thích có hơi khác. Dưới đây, là nói trong nghiệp thiện rằng đối với lời thề kia, thọ lãnh xa lia, nên biết ở đây nói là không lia hiện hành, tức không xa lia mười bất thiện.

Nếu tức đối với lời thề kia, cho đến “gọi là nghiệp biểu thiện”, Pháp sư Cảnh nói đã nói thề thọ lãnh xa lia nghiệp biểu thân, ngữ, tức là chưa khởi thân, ngữ, chỉ có tư nguyện (ý nguyện), sao được gọi là nghiệp biểu thân, ngữ?

Giải thích: Nếu y theo ở “tác thiện” thì bấy giờ tức sẽ không có hai nghiệp thân, ngữ. Nếu cứ theo “chỉ thiện” thì bấy giờ sẽ có, vì lúc thề nguyện thọ lãnh giới, đối với ý tứ có lia bảy nghiệp thân, ngữ chẳng phải nghĩa, nên gọi là ý tứ này là nghiệp thiện của thân, ngữ, vì cho nên không có lỗi. Nếu các oai nghi lộ, cho đến “gọi là nghiệp biểu vô ký”, Pháp sư Khuy Cơ nói ở đây như tùy chuyển nghĩa của Tát-bà-đa rằng một phần trong bốn trần oai nghi, năm trần công xảo, vì chỉ lấy thân, ngữ nên nói một phần. Nay, ở đây Đại thừa có cả ba tánh này. Nay, lấy vô ký trừ thiện, bất thiện, nên nói là một phần. Việc này đều là gia hạnh sinh, chứ chẳng phải như tâm Dị thực sinh, nên không thể phát nghiệp. Nếu vậy, tâm biến hóa cũng có thể phát nghiệp, vì sao không nói đến.

Nay nếu Đại thừa vì lợi lạc, phải biết thiện này là chủng loại thiện. Nếu vì đù a giỡn, phải biết rằng vô ký, tức chủng loại oai nghi v.v... lược qua không nói. Nếu có không muốn biểu thị với người khác, cho đến gọi là ý biểu. Luận sư Cảnh nói đây là nói chung ý nghiệp ba tánh, không muốn biểu thị rõ cho người khác biết, chỉ tâm ba tánh của nội tâm mình khởi biểu thị rõ pháp ở trước, gọi là nghiệp ý biểu.

Pháp sư Thái nói biểu tư sau, tư trước, nên gọi là nghiệp ý biểu. Pháp sư Khuy Cơ nói như hai thứ thân, ngữ biểu thị với người khác, ý chỉ tự biểu thị, như khi phát nghiệp thân, ngữ tất nhiên có ý biểu, dùng làm phương tiện ý biểu của mình, biết ta đã làm những việc như thế v.v... tức biểu thị ở trước biết về sau sẽ làm việc này với ý đều có nghiệp biểu, gọi là nghiệp ý biểu.

Luận sư Trắc nói điều mà kiến phần đã làm, tự chứng rất dễ hiểu. Điều mà tự chứng đã làm, chứng tự chứng rất dễ hiểu, cho đến cái mà chứng tự chứng đã làm thì tự chứng rất dễ hiểu. Chỉ vì nội đã biết nên ý tứ nội chọn lựa, gọi là “nghiệp ý biểu”.

Trong đây v.v... trở xuống, kể là, nói về giả, thật. Pháp sư Cảnh nói đây là phá Tiểu thừa chấp thân nghiệp trong một sát-na có hành động là nghiệp thật kia. Nay, y theo ở hiện tượng nối tiếp nhau, nơi này diệt, chỗ kia sinh, giả gọi là thân nghiệp. Vì một niệm không có hành động, nên không có nghiệp thật. Ở đây y theo nơi sắc căn, tướng phần của bản thức, chỗ này diệt, chỗ khác sinh, nhằm phá tan chấp của người ngoài.

Ảnh tượng của ý thức tùy thuộc vô ký của bản chất. Pháp sư Khuy Cơ nói do Luận sư Chánh Lượng bộ cho rằng sắc pháp nối tiếp nhau, bốn tướng của một thời kỳ có phân biệt sắc xao động, được gọi là thân biểu. Nay, phá bỏ tướng đó: sát-na, sát-na sinh, diệt nối tiếp nhau, diệt ở nơi này, sinh ở chỗ khác, chẳng phải trong một pháp thật, không có sinh diệt, từ không diệt ở đây mà có thể qua đến nơi kia. Sự co duỗi v.v... trong đức cú của Phệ Thế sư cũng vậy, là có thật thể. Nay, đồng phá tất cả. Nếu phái Tát-bà-đa cho rằng dù không có sắc xao động, nhưng vẫn có sắc nghiệp riêng, như lúc co vào duỗi ra, có sắc nghiệp riêng nảy sinh. Sự việc này không đúng. Vì chỉ có sắc thân vô ký của Dị thực ở chỗ này, do sức tư duy nên biến đổi mà sinh, chứ chẳng phải có sắc nghiệp riêng, cho nên nói chỉ có thân ở chỗ khác diệt v.v...

Chỉ có âm ngữ, gọi nghiệp ngữ biểu. Ở đây phân biệt thính của Tát-bà-đa, tức là ngữ nghiệp. Nay nói chỉ có âm ngữ. Nghiệp tư đã phát, gọi là nghiệp ngữ biểu, thể nó chỉ vô ký, không đồng với thể nghiệp của

Tiểu thừa có cả ba tánh, chỉ có tâm phát khởi tạo tác tư, gọi là nghiệp ý biểu, nghĩa là ở đây nói lấy tư làm ý nghiệp, ý nghiệp cũng phát động thân, ngữ dùng tư làm nghiệp. Nghiệp tức là sắc mà là giả danh, chứ chẳng phải có sắc riêng gọi là nghiệp v.v...

Vì sao v.v... cho đến “không hợp với đạo lý”, đây là đả phá Chánh lượng bộ, v.v... lẽ ra trước phải thành lập có sát-na diệt rồi, mới có thể phá không có hành động, nên trước lập lượng rằng: - Các sắc trần v.v... lẽ ra sát-na diệt, vì thuộc về sắc uẩn, như ngọn đèn, ánh lửa, tiếng chuông, cái mà người khác cùng thừa nhận, mới lập lượng rằng: - Không có sắc ở chỗ này qua đến chỗ khác. Vì sát-na diệt, như ánh lửa của ngọn đèn, v.v...

Sát-na diệt này nhân phương hướng là cực thành. Lại, lia chỉ các hành sinh, tác dụng thật khác do nhãn, nhĩ, ý đều không thật có. Đây cũng phá bỏ có tác dụng của hành động của Chánh lượng bộ. Lại, phá tác dụng, thật tánh cực vi sắc nghiệp của Tát-bà-đa. Lại, phá thật tánh cú nghiệp của Phệ thế sư. Nay, phá chung rằng: - Không có tác dụng riêng thật, như nhãn, nhĩ, ý đã lấy ba nghiệp đều không thể được. Dù hành động kia và sắc nghiệp đều là đối tượng mà nhãn v.v... chấp lấy với sắc kia là tùy theo một, nên không thành lỗi. Ở đây vì không thừa nhận “đắc” của nhãn thức v.v... nên lượng rằng: “Ông nói sắc nghiệp v.v... của hành động, không gọi là lia các hành, do nhãn, nhĩ, ý nhất định không thật có. Vì hai lượng hiện, tử đã không biết. Như sừng thỏ v.v... Ý nghiệp dù chung cả ba tánh, nhưng lấy tư tác động biểu thị rõ nghĩa tác dụng v.v...

Dưới đây, là nói về ba nghiệp bất luật nghi v.v... văn chia làm bốn:

- 1/ Nói về nghiệp luật nghi ác.
- 2/ Nói về nghiệp luật nghi thiện.
- 3/ Nói về nghiệp xử trung.
- 4/ Hỏi đáp, nói lại.

Trong phần trước có hai:

- Trước, nêu ra nhân duyên.
- Sau, nói về thể tánh.

Trong phần trước, hỏi: Vì sao luật nghi thiện tức là nghiệp đạo? Luật nghi bất thiện khởi theo xử trung mới gọi là đạo nghiệp? Ngài Tam Tạng nói luật nghi thiện vì chỉ thiện nên tức thành nghiệp đạo.

Pháp sư Cảnh nói thể tánh của luật nghi ác tức dùng mười đạo bất thiện và tư nguyện ác, luôn tương ứng với bất tín, lười biếng, ý niệm giả

đối, tán loạn, ác tuệ, dùng làm thể.

Giải thích các danh từ ấy, nghĩa là chiêu cảm thể của nghiệp quả khổ, gọi là ác. Các giới ác, gọi là ác luật nghi. Tùy theo văn để giải thích: Nói có đối tượng rõ biết, nghĩa là phân biệt với người điên loạn. Ở đây nói sinh vào nhà bất luật nghi, chủ yếu ở kỳ hạn sự thọ lãnh được bất luật nghi, không đồng với Tạp Tâm nói sinh vào nhà bất luật nghi, chỉ giết một sự sống, tức là được bất luật nghi, chưa hẳn là phải kỳ hạn việc thọ lãnh. Nếu sinh vào nhà khác, tất nhiên phải thọ lãnh. Lại, đối với việc mạng sống ở đây, lại càng khởi tâm dục, lạc, nhĩn khả bình đẳng, nghĩa là đầu tiên, việc đã thọ lãnh, lại thêm nhĩn khả mới thành bất luật nghi.

Dưới đây giải thích về ý chịu đựng lại, do thuộc về bất luật nghi, nên ngang bằng. Theo như ngài Tam Tạng nói đầu tiên, lúc thọ lãnh sự việc, chỉ thành tựu sáu bất tín v.v... của ý địa, và thành tựu tất cả hạt giống của bảy chi phương tiện như sát v.v... khả năng sinh nghiệp đạo căn bản của thời kỳ sau, gọi là căn bất thiện, chứ chẳng phải tham, v.v... gọi là căn bất thiện. Thời gian sau, đối với duyên hành động sát hại, trộm cắp v.v... mới thành tựu dần sát xử trung v.v... cũng có thể lại giải thích: trước lấy sáu bất tín, tư duy bất chính làm duyên cho sự thọ lãnh, phát khởi hạt giống nghiệp căn bản trong sát hại của Thức A-lại-da v.v... làm cho nó tăng trưởng. Bấy giờ được gọi là thành tựu nghiệp bất luật nghi của các căn bản như sát v.v...

Nếu sinh vào nhà bất luật nghi, như thế là tùy theo những loại người nào sinh vào nhà khác để lãnh thọ thời gian mong muốn và làm việc v.v... đều được gọi là người trụ luật nghi. Người này cho đến v.v... trở xuống, là văn, nghĩa là chưa được đối trừ đến nay, mỗi niệm tăng trưởng, nghĩa là từ hạt giống của mười nghiệp đạo bất thiện. Kế là, ý niệm gia tăng, thành hai mươi. Từ thứ ba, tăng đến ba mươi, cho đến vô biên.

Pháp sư Khuy Cơ nói nếu sinh vào nhà bất luật nghi, sẽ có đối tượng phân biệt rõ tự phát tâm mong muốn, nghĩa là ta sẽ dùng việc này v.v... để nuôi mạng sống, nghĩa là ở đây sẽ là chủ thể khởi luật nghi trong tám luật nghi. Ngoài ra, dưới đây, mỗi pháp đều phối thuộc. Nay, Đại thừa dù sinh vào nhà bất luật nghi, có đối tượng phân biệt rõ trở đi, tự phát tâm mong muốn mới thành. Nếu tâm không mong muốn, trái với chí trước của cha mẹ, ta không làm việc này thì chẳng phải bất luật nghi. Luật nghi gọi là phép tắc, vì không phép tắc, nên gọi là bất luật nghi. Chẳng phải phép tắc ác, gọi là bất luật nghi mà là danh thể

của bất luật nghi đó, như tướng tợ ác thi-la. Nay, y theo thể của văn này, tức mới phát tâm mong làm, cũng chẳng phải thuộc về bất luật nghi, vì điều quan trọng là phát tâm mới thành tựu.

Nay giải thích trước là đạo gia hạnh đã thành tựu, nhưng chưa quyết định hãy còn nhẹ, nên huân tập sau của phẩm hạ là phẩm trung, tức đạo Vô gián. Về sau, nếu tạo ra việc này xong, sẽ trở thành phẩm thượng, phát ra vô biểu. Nhưng y theo luận rằng dù thành tựu vô biểu của thân, ngữ, nhưng chỉ thuộc về ba căn bất thiện của ý. Do ý đã thành tựu vô biểu của bảy chi thân, ngữ. Luận nói chỉ thành tựu các căn bất thiện rộng lớn. Về sau, nếu việc thực hành đã xong, thì phát biểu, vô biểu. Ý này đã phát vô biểu, thì không thuộc thân, ngữ không nói thành tựu vô biểu của thân, ngữ, chỉ nói rằng thành tựu căn bất thiện. Khi thực hành công việc xong, thì thuộc về thân, ngữ. Lại, chỉ thành căn bất thiện của ý, tức gọi là bất luật nghi, chứ chẳng phải là thành tựu nghiệp đạo bảy sắc. Khi thành tựu bảy sắc, cũng gọi là bất luật nghi, không đồng với pháp Tát-bà-đa gọi là nghiệp đạo xử trung.

Phải biết rằng phi phước xoay vần tăng trưởng, việc này cũng là bảy chi sát-na, sát-na, vì gia tăng gấp bội, nên gọi là vận vận tăng trưởng. Kế là, nói về thể tánh. Pháp sư Cảnh nói sáu pháp như tà nguyện v.v... trong đây, khi chính thức hiện ở trước, dùng chúng làm thọ, khả năng thọ lãnh hạt giống nghiệp đạo của bản thức, gọi là năng phát ra nghiệp kia.

Trong Tỳ-Đàn có bốn duyên xả. Nay, Đại thừa chỗ nào cũng chỉ thấy xả duyên giới thiện, chưa thấy đoạn văn nào nói xả luật nghi ác. Theo lý thì có ba duyên, trừ hai hình sinh.

Luận sư Bị nói mười nghiệp đạo ác, ba căn bất thiện, sáu thứ như bất tín v.v... đều là thể của giới ác, văn lược không nói. Lại nói xử trung có hai:

1/ Thọ lãnh biểu, vô biểu, tức thọ nghiệp, phát nghiệp.

2/ Tùy thuộc ở biểu, vô biểu, chính là do hạt giống hiện hành.

Pháp sư Khuy Cơ nói khắc tánh phát ra thể, chỉ ở trên hạt giống của ác tư duy mà giả lập. Nay, vì lấy trái với năm căn tăng, nên nói bất tín v.v... thật ra thường thích ứng với mười pháp đều chuyển, cho đến (thậm chí) tà dục, tà thắng giải v.v... Tư duy này tức chủ thể khởi tư nghiệp. Như thứ hai trong tám luật nghi dưới đây có công năng khởi luật nghi.

Trên đây, nói về tâm một kỳ hạn bất luật nghi, tức thành thời gian, nghĩa là thời gian chưa xả bảy chi đến nay, bảy chi càng tăng trưởng

gấp bội.

Về thời gian xả, nghĩa là thọ giới rồi qua đời được quyết định hai hình sinh bốn thời gian. Nay, Đại thừa cho rằng dù không thọ lãnh giới, thể xả “tác pháp”, cũng gọi là xả, nên có năm thời gian. Vì thế, nên luận nói cho đến tư này chưa xả về sau, gọi là bất luật nghi, nghĩa là biết xả nghiệp ý tứ, cũng xả bất luật nghi.

Nói thi-la ác: thi-la gọi là mát mẻ. Người làm ác, vì mát mẻ ác, nên làm thi-la ác, chẳng phải thể ác kia chính là thi-la.

Xưa vặn hỏi rằng ngăn ngừa sai quấy để giải thích về giới. Có giới không ngăn ngừa lỗi lầm v.v... nghĩa là bất thiện này, với danh từ ấy, nếu cách giải thích ở đây tức không có lỗi lầm, như danh từ bất luật nghi đồng nhau.

Lại, vặn hỏi rằng: thể ác chẳng phải thi-la. Người làm ác, vì ghét thi-la nên gọi là ác thi-la. Lẽ ra cũng thấy thể chẳng hạnh phải ác, người ác ghét kiến kia, nên gọi là ác kiến.

Giải thích: - Kiến gọi là phân biệt thiện ác, phân biệt đều cùng gọi là kiến. Thi-la gọi là thể của thanh lương ác, vì chẳng phải thanh lương, nên không sánh đồng với kiến.

Kế là, nói về luật nghi thiện, văn được chia làm năm:

- 1/ Trái với ác, nói điều thiện.
- 2/ Nói về sự khác nhau giữa thiện về ác.
- 3/ Nói về thể tánh của thiện.
- 4/ Nói về số đầu.

5/ Hỏi đáp để nói. Trái với thiện này, như thích hợp tùy chuyển, đây là đầu tiên.

Pháp sư Khuy Cơ nói thể tánh của luật nghi cũng lấy tư duy thiện cùng lúc, cũng lấy năm số, khắc thể chỉ giả lập trên hạt giống của tư. Nay, Đại thừa y theo văn, tức lấy mười nghiệp đạo thiện và năm uẩn của tư làm thể.

Kế là, nói về phần khác nhau. Văn chia làm hai:

1/ Nói về phần khác biệt. 2/ Sau, hỏi đáp để giải thích nghĩa là có người có khả năng thọ phương thì có thể được thọ: một là có tự thể, hai là Tâm trong xuất thế, có ưa thích, nhằm chán. Trong luật nghi ác thì không như thế, nên có khác nhau. Hoặc do người khác, do mình mà thọ lãnh luật nghi. Hoặc lại có một chỉ thọ lãnh tự nhiên, trừ luật nghi v.v... của Bí-sô. Pháp sư Cảnh nói do mình do người. Đây là nói chung, nói chung bảy chúng và giới ngày, đêm. Hoặc chỉ tự thọ lãnh trừ luật nghi Bí-sô, nghĩa là khuyên chung giới mà bảy chúng đã thọ và giới ngày



đêm dùng làm ba thứ. Năm chúng xuất gia được gọi là chung là luật nghi Bí-sô, cận sự, và cận trụ trong tại gia. Nay, nói cận sự, cận trụ đều được có nghĩa tự thọ lãnh giới. Năm chúng xuất gia, phải thọ lãnh giới từ người khác, bởi vì chẳng phải tất cả đều có khả năng thọ, huỳnh môn v.v... chẳng được thọ giới.

Nếu Bí-sô, Bí-sô v.v... trở xuống, là chất vấn ngược lại người ngoài rằng: - Về thời gian phát giới, tức ba chúng trong năm chúng xuất gia, yết-ma lần thứ ba xong là đắc giới. Nếu sa-di, sa-di-ni và ba chúng tại gia thọ lãnh ba quy y xong, liền đắc giới. Nếu là hai chúng xuất gia, thì phải thuộc người khác mà thọ Bí-sô. Ba chúng tại gia được tự nhiên thọ, tức cũng cần thọ ba quy rồi, liền đắc giới. Nếu là giới Bồ-tát thì chung cho tự nhiên thọ, gồm thâu hết tất cả giới. Về sau khi xuất gia rồi thì phải thọ từ người khác.

Nay, vì nói về giới của Nhị thừa, nên phải từ người khác thọ lãnh.

Luận sư Trắc nói do người, do mình, là nói từ người khác được. Chỉ tự nhiên thọ nghĩa là nói về tự tịnh tâm thọ, không nương tựa giới sư.

Kế là, hỏi đáp để giải thích rằng hai thứ thọ, tùy theo chi thủ hộ, cái gọi là hổ thẹn. Pháp sư Khuy Cơ nói hổ thẹn có thể tự thọ; thẹn nghĩa là từ người khác. Tuy nhiên, cả hai cử chỉ hổ thẹn đều cùng hiện hành, nhưng y theo ở phần vượt hơn, nên có nhất thời. Hoặc không có thời gian thứ hai, chứ chẳng phải không có một. Nếu từ người khác thọ giới, do thân phát động bảy chi, chẳng hạn như đến chỗ thầy. Hoặc do ngữ phát ra bảy chi, như phát ngữ thỉnh sư, v.v...

Nếu tự nhiên thọ, nghĩa là chỉ có nghiệp ý biểu, nghiệp này không dùng thân, ngữ làm phương tiện, chỉ lấy ý làm phương tiện, để thọ được vô biểu của bảy chi thân, ngữ.

Hỏi: Tức có vô biểu không từ biểu sinh, vì không có thân ngữ nên tự có ý hình thành biểu. Nếu vậy, thì lúc tự thọ, lễ Phật, phát ngôn, đâu chẳng phải là nghiệp biểu sao?

Nay giải thích không có biểu thị với người khác để cho họ biết, nên nói không có thân ngữ, chứ chẳng phải tự mình không có nghiệp thân, ngữ. Vì cho nên cũng có biểu sinh, như bác bỏ việc làm của người khác, hoặc bằng lời lẽ v.v... làm biểu của thân v.v... cho nên thân, ngữ được biểu thị lẫn nhau. Lại, thân ngữ này được y theo ở tất cả tác pháp, như người bệnh nặng không thể cử động thân phát ra lời nói. Dù từ người khác thọ, cũng có vô biểu không từ biểu sinh. Hoặc tự phát tâm

kỳ nguyện, chỉ có vô biểu, cho nên có luận này.

Luận sư Trắc nói tùy hai pháp hổ, thẹn của chi thủ hộ có hay không đủ, nên từ người khác thọ. Nếu người có hổ, thì sẽ có thẹn, nên tự thọ. Nếu kẻ có thẹn, chưa chắc đã có hổ, cho nên họ không thể tự thọ. Dựa vào người khác, mới khởi thẹn, được thọ giới. Vì người này nên phải từ người khác thọ.

Nói bình đẳng không khác nhau, nghĩa là cả hai sự thọ giới dù khác nhau, nhưng đều có năm chi. Nếu xa lìa tư v.v... trở xuống, là thứ ba, nói về thể tánh. Đầu tiên, nói về sáu pháp là thể của luật nghi. Luận sư Trắc nói trên xa lìa tư duy, giả nói nghiệp biểu. Nghiệp biểu với căn của năm căn đều hiện hành đồng thời, nói là luật nghi.

Kế là, nói từ sáu pháp này làm nhân đẳng khởi, sinh mười nghiệp đạo thiện, là luật nghi thiện. Pháp sư Cảnh nói đầu tiên, phần ít, phần nhiều và toàn phần lìa mười hành vi ác, thành ba mươi việc thiện. Đối với hành vi ác thượng, trung, hạ, chỉ lìa phẩm hạ, gọi là phần nhỏ ít. Nếu lìa hai phẩm hạ, trung gọi là phần nhiều. Nếu lìa cả ba phẩm, thì gọi là toàn phần.

Kế là, ba mươi hạnh được y theo ở thời gian, mà nói khác nhau. Bốn hạnh sau, tức là tự thực hành, khuyến khích người khác cùng khen ngợi thể của hạnh ấy, chúc mừng, vui vẻ người tu hành, đã sinh ra số lượng phước, phải biết rằng cũng vậy, nghĩa là từ trăm hạnh trước sản sinh trăm phước.

Pháp sư Khuy Cơ nói một phần v.v... Một phần này đồng với Kinh bộ nói khi thọ một, hai giới cũng phát giới, bất luật nghi v.v... cũng vậy. Thể thọ trong thời gian ngắn, cũng gọi là bất luật nghi. Nếu không thể thọ, mà làm việc sát hại, thì chỉ gọi là thọ riêng, thời gian riêng, gọi là chung có mười. Khoảng giữa này, như phần ít lìa v.v... phần này với lìa v.v... của thời gian ít nào có khác, mà nói là có trăm giới cho đến suốt đời có mười, đâu có khác gì với tự thọ, bảo người khác thọ ?

Giải thích: Đối tượng duyên của ý, là hướng đến mong cầu riêng. Nhưng trong đây có ba phần vị: ba phần vị đầu, y theo ở sự; ba phần vị kế là y theo thời gian; bốn phần vị sau y theo ở con người. Nhưng y theo ở sau, chính giữa, mình, người được chia làm bốn.

Trong nói về số đầu của giới, trước, chính thức nói về luật nghi có tám. Sau, gồm tám thành ba.

Trong phần trước, đầu tiên, là nêu số, nêu danh. Sau, nói về thứ lớp. Pháp sư Cảnh nói:

1/ Năng khởi, nghĩa là phương tiện thọ giới.

2/ Nhiếp thọ là chính thọ giới. Hai danh từ này nói về sự thọ lãnh giới.

3/ Đề phòng thủ hộ, nghĩa là tinh tấn, chuyên cần không trái phạm.

4/ Lại Dẫn phát, nghĩa là phạm giới mà biết ăn năn. Hai danh từ này để nói về trì.

Ba phẩm hạ, trung, thượng có cả thọ và trì. Một hạt giống thanh tịnh có cả thiền và đạo. Định là thứ nhất, đạo là thứ hai, nên dưới đây nói thứ nhất và sức thanh tịnh thứ hai dẫn dẫn. La hán vì không do đối tượng trị vượt hơn, nên vượt hơn, không có đối tượng dứt trừ.

Pháp sư Khuy Cơ nói Thi-la không có ăn năn v.v... như luận Hiển Dương, quyển mười bảy nói vì thành tựu thi-la nên không có ăn năn. Vì không có ăn năn, nên thường sinh vui vẻ. Vì sinh vui vẻ, nên tâm cảm thấy hoan hỷ. Vì tâm hoan hỷ nên thân yên ổn. Vì thân yên ổn nên thọ lãnh niềm vui. Vì thọ lãnh niềm vui, nên tâm định. Vì tâm định nên quán như thật. Vì quán như thật nên khởi nhàm chán. Vì khởi nhàm chán nên lìa dục. Vì lìa dục nên giải thoát. Vì lìa dục, giải thoát nên tự cho rằng ta đã chứng giải thoát, sự sanh tử của ta đã hết v.v...

Luật nghi tĩnh lự. Trong luật nghi này chỉ có bốn căn bản. Như luận Đối Pháp, quyển tám nói đối với cõi Vô Sắc, lược qua không lập luật nghi giới của cõi Sắc. Văn luận Hiển dương nói Vô Sắc cũng có định cộng giới, nhưng ở cõi Dục hoặc do tu sinh kiến đạo, đều là đối trị phần xa. Trong đây, vì thuận theo môn lý, nên không nói Vô Sắc. Ở thiền vị lại, cũng có đạo Vô gián, vì lược qua nên không nói.

Nếu vô lậu thì trước được tĩnh lự, nghĩa là dựa vào ngũ địa, nhập kiến đạo, được quả Bất Hoàn. Được kiến đạo giới, đạo Vô gián là đạo đối trị với nghiệp đạo ác v.v... sau là đạo giải thoát cho đến vô học. Đối với giới ác của kiến đạo, gọi là đối trị của phần xa. Nếu tội nhỏ nhiệm trong thân của người tu đạo, thánh giả, thì tùy đối tượng nương tựa Sơ thiền v.v... Ở đạo Vô gián của chín phẩm đối với đối tượng đoạn, gọi là đạo Đối trị, đạo giải thoát cũng gọi là đối trị phần xa. Nhưng hôm nay Đại thừa lại có gom góp ba cõi, chín địa, từ Sơ quả tức đến vô học là chín phẩm đoạn. Từ khi dứt trừ “hoặc” cho đến tùy nương tựa địa này, tức là lấy đạo Vô gián của chín phẩm làm đạo đối trị. Địa khác gọi là Đối trị của phần xa, chỉ trừ Hữu đảnh, Trung gian thiền. Đây là y theo người hữu học mới được quả thứ ba dứt trừ “hoặc”, là vì dứt đối tượng đoạn, cho nên vượt hơn. Nếu dứt trừ “hoặc” dần, thì quả thứ ba trở lên, cũng vậy, chỉ do chủ thể trị vượt hơn nên được vô học trị. Nếu dứt

“hoặc” tức khắc chín phẩm của ba cõi cho đến chưa được đạo Vô gián của vô học đến nay, đều là đoạn đối trị, cho nên vượt hơn, chỉ vì chủ thể trị của vô học vượt hơn, nên vượt hơn. Nhập kiến đạo kia, trong đây, y theo ở tác động của bốn căn bản, vượt qua con người tạo ra pháp. Ở thiên vị lai, tạo nên pháp của người Sơ quả, thật ra, thiên vị lai cũng được quả siêu việt, được bảy tác ý, dựa vào thiên vị lai, được quả Bất Hoàn. Tác ý của quả rất ráo gia hạnh thứ bảy, phải nhập căn bản. Nay y theo ở quả mãn để luận, luận này siêu việt. Như thứ lớp, địa Vô Sắc của con người cũng được dứt trừ hạt giống phạm giới của cõi Dục.

Ngài Tam Tạng nói kiến đạo nương tựa lục địa, đều lấy trung gian thiên là không đúng, vì chỉ sáu hiện quán, ba y, năm y sinh, trừ thiên trung gian. Văn ở chỗ khác dù nói rằng có vô lậu, nhưng vì chỗ cư trú của Phạm Vương phần nhiều tán loạn. Y theo theo Hữu đánh dù có vô lậu, nhưng không thành dứt “hoặc” (như chỗ khác nói rộng). Tuy nhiên, định đạo cộng giới này, ngài Tam Tạng nói ở kiến đạo đều kiến lập trên hiện hành tư, vì gọi là tùy tâm chuyển sắc.

Hỏi: Lấy tư hiện hành làm thể của định cộng giới như thế nào?

Có người nói kiến lập trên hạt giống này, lẽ ra phải được kiến lập trên hạt giống tư trong đạo gia hạnh ở trước. Như phát giới Biệt giải thoát, tư, lấy nghiệp tư của đạo gia hạnh ở trước, nên ở trong đạo gia hạnh, việc này chưa thành giải thích. Như đạo gia hạnh ở trước của định đạo, đều chẳng phải là giới của định đạo, mà là tâm tán, hoặc hệ thuộc cõi của địa khác, thì làm sao tùy theo gia hạnh để phán quyết thể của giới, chỉ nên tùy định, đạo đều lập với tư.

Luận sư Trắc nói trong đề phòng, gìn giữ Luật nghi có hai cách giải thích:

1/ Tức lấy tư duy thiện, kể cả năm căn, gọi là đề phòng, gìn giữ. Vì khả năng giữ gìn luật nghi, nên gọi là luật nghi, thể chẳng phải luật nghi.

2/ Lại giải thích thể của giới vì đã đề phòng, gìn giữ nên gọi là phòng hộ.

Gom tám thành ba, nói là thọ và trì, nghĩa là thọ tùy theo hai giới hữu biểu, vô biểu, nói rộng như trong luật tông.

Dưới đây, là thứ năm, hỏi đáp để phân biệt có sáu:

1/ Nhiếp bảy chúng và giới ngày đêm để được ba thứ.

2/ Nói về ba giới có chi nhiều ít.

3/ Nói về chế giới nhiều ít cho hai chúng nam nữ.

4/ Nói về cần sách, lìa vàng, bạc kia.

5/ Nói xa lìa ca múa, dùng hương thơm thoa mình, đeo tràng hoa, tám giới, mười giới, khai, hợp có khác.

6/ Nói không cho phép phiến-đệ-ca v.v... thọ giới xuất gia.

Trong phần đầu nói lìa hạnh ác và hạnh dục. Pháp sư Cảnh nói lìa uống rượu, ăn quá giữa ngày, ca múa, dùng hương thơm thoa mình, đeo tràng hoa, nằm giường cao rộng v.v... gọi là lìa dục trần hạnh. Lìa nghiệp đạo phiến não giết hại, trộm cắp v.v... gọi là lìa hạnh ác.

Lìa phi phạm hạnh, lìa chung cả hai thứ. Cận trụ, chỉ phải siêng năng, tinh tấn nhiếp thọ hai nhân v.v... nghĩa là vì ít thời gian, ít siêng năng gìn giữ nhân của hai hạnh lìa ác, lìa dục, dần dần khiến cho thoát khỏi gánh nặng sinh tử.

Ba chi trước lìa hạnh ác, nghĩa là lìa sát sinh, trộm cắp, nói dối. Bốn chi sau, lìa hạnh dục, nghĩa là không ăn quá giờ Ngọ, không uống rượu, không ca múa, đánh nhạc, không dùng hương thơm thoa mình, không đeo các tràng hoa, không nằm giường cao rộng lớn. Bốn chi này đều là lìa hạnh dục trần.

Pháp sư Thái nói ba chi trước vì lìa tánh tội, nên gọi là lìa hạnh ác (việc ác), bốn chi sau, chẳng phải lìa tội tánh vì chỉ lìa chỗ trang sức năm dục khởi, nên gọi là lìa hạnh dục, chẳng phải phạm hạnh là hành vi ác xấu của tánh tội. Lại, hạnh dâm dục, lìa dâm dục kia, gọi là hạnh đều lìa. Do chi thứ ba không thể suốt đời rất ráo thực hành hạnh đều cùng lìa, chỉ phải siêng năng thọ hai thứ nhân ngày đêm, đều cùng lìa, làm suốt đời đều cùng lìa. Đừng tự cho rằng, người tại gia vì bị gánh nặng trần áp, nên không thể thọ hạnh đều cùng lìa với giới suốt đời đều lìa làm nhân trụ quả gần, nên gọi là cận trụ.

Pháp sư Khuy Cơ nói ba chi trước lìa hạnh ác v.v... Nay y theo ở phần nhiều để luận.

Trong phần nói về chi đủ, nhiều, ít, bốn chi như Bí-sô, nghĩa là như địa Thanh văn nói về sáu chi Thi-la. Nay, trong văn này gom sáu thành bốn:

1/ Thọ cụ túc, tức là trụ thanh tịnh thi-la.

2/ Thọ chi tùy pháp học xứ, tức là giữ lấy giới biệt giải thoát.

3/ Chi tùy thủ hộ tâm người, tức là phép tắc đầy đủ thứ ba là giới oai nghi.

4/ Hành động đầy đủ là không làm người giết mổ v.v...

Bốn tùy hộ như đã thọ chi học xứ, tức thứ năm kia, thấy tội nhỏ nhiệm, rất sợ hãi. Thọ học, học xứ thứ sáu, luận Đối Pháp, Hiển Dương chép sáu văn Du-già, gồm thành năm, chỉ gồm thâu phép tắc đầy đủ,

hành động đầy đủ làm một. Bốn văn khác y như cũ, nên chỉ thành năm.

Nói nếu tác biểu, thì bạch yết-ma thứ tư và lược nhiếp thọ, tùy học xứ thô, nghĩa là thọ giới xong, nói lược về bốn trọng, và bốn y, đó là khất thực v.v... gọi là học xứ thô.

1/ Bạch ba lần yết-ma. Yết-ma lần thứ ba gọi là thứ tư. Từ đây, đã thọ hành tùy giới, gọi là thọ chi tùy pháp học xứ.

Ở ba Hán dịch là cận; ca dịch là sự; sách là tiếng nam; tư là tiếng nữ. Ở trên cận sự, thêm vào tiếng sách, tư, nên nam nữ khác nhau.

2/ Nói hai trái vượt đã thọ chi tu hành, lại nghĩa là nếu đã trái phạm ba chi trước, sư tăng xét tra được, do không nói dối, phát lồ sám hối, tu lại ba chi trước. Thoa hương thơm vào mình, đeo tràng hoa. Các nước phương tây dùng dầu thơm thoa vào thân, dùng tràng hoa làm nón mũ, là chỗ buông lung nên ngăn cấm.

Học chánh, tức Thức-xoa-ma-na thọ sáu pháp, học giới hai năm.

3/ Nói chế giới nhiều ít cho hai chúng nam nữ. Mẫu ấp, dịch đúng lẽ ra là mẫu thôn. Nước tây gọi là người nữ là mẹ, đồng với nghĩa thôn ấp. Mười giới sa di, nên nói rằng (phần ít) vì Thức-xoa có mười sáu nên gọi là phần nhiều.

4/ Nói về Cần sách, lìa vàng, bạc kia. Ca, múa, kỹ, nhạc gọi là xứ. Ăn phi thời, thọ.

5/ Khai, hợp, hỏi đáp như văn.

6/ Nói về không cho phiến-đệ v.v... thọ giới xuất gia. Phiến-đệ-ca hoàn toàn không có căn. Hoặc bầm sinh không có căn, và bị người khác hại, gọi là chung là Phiến-đệ-ca.

Bán-trạch-ca, Hán dịch nói là nhiều nhiễm ô, có cả có căn, và không có căn. Dưới đây nói là bầm sinh không có căn là phiến-đệ, cũng là một phần Bán-trạch-ca. Thế nam của Bán-trạch, hoặc khởi, không khởi, chỉ có Bán-trạch-ca, và người bị hại không có căn. Nếu không bị người khác làm lỗi với mình thì chỉ Phiến-đệ-ca. Nếu không bị người khác gây nhiễm ô, tức có cả hai thứ thì thành bốn trường hợp:

1/ Chỉ Phiến-đệ-ca, chẳng phải Bán-trạch, vì bị hại nên không có căn (cơ quan sinh dục), là năng chẳng phải sở.

2/ Chỉ có Bán-Trạch-ca, chẳng phải Phiến-đệ, nghĩa là có thể của nam căn, hoặc khởi, không khởi v.v...

3/ Là Phiến-đệ-ca, cũng vừa là Bán-trạch, bầm sinh không có căn (bộ phận sinh dục) và bị hại không có căn, có cả năng sở.

Làm sao biết được bầm sinh không có căn, có cả “năng” “sở”. Vì

y theo trong trường hợp bị người khác gia hại, nên không có căn rằng:  
 - Không bị người khác làm nhiễm ô, chỉ gọi là phiến-đệ-ca. Nếu bị người khác gây nhiễm ô, thì gọi là cả hai. Do đó biết được người bảm sinh không có căn, ưa chung làm chủ động, bị động (năng sở), đều gọi là hai người. Nhưng những người ấy thọ giới, gìn giữ, sẽ có phước v.v... của học xứ không khác nhau, đây là thông qua vấn hỏi ngoài, ý vấn hỏi: Phiến-đệ v.v... vì quả báo của họ kém, nên luật nghi được thọ, không trái với nam, nữ. Ý giải thích rằng nếu dùng tâm bình đẳng để thọ năm giới thì phước đức sẽ không khác nhau.

Dưới đây, là thứ ba, nói về nghiệp xử trung: Nghiệp của thân, ngữ, ý dù là thiện, nhưng chẳng phải luật nghi, vì không chủ yếu mong cầu Niết-bàn mà khởi, nên dù họ khởi mọi điều ác, nhưng không cần mong cầu, mạng sống trong một kỳ hạn, nên chẳng thuộc về luật nghi ác.

Hỏi: Nghiệp xử trung (lĩnh vực) này là chỉ có hữu biểu hay có cả vô biểu?

Đáp câu hỏi này có hai giải thích:

1/ Chỉ có “hữu biểu” tức theo hai việc thiện, ác hiện hành công năng trên tư duy làm thể.

2/ Cũng có “vô biểu” tức lấy công năng của chủng tử làm thể.

Hỏi: Ba nhóm giới của Bồ-tát là đều luật nghi hay cũng là xử trung?

Ở đây có hai giải thích:

1/ Luật nghi giới lia ác, vì tăng vượt trội thêm, nên được gọi là luật nghi, hai luật nghi còn lại là xử trung.

2/ Điều gọi là luật nghi, nhiếp thiện, lợi ích chúng sinh, đều có thể duy trì phép tắc, nên gọi là luật nghi.

Hỏi: Thân Phật có được xếp vào xử trung hay không?

Đáp: Có hai giải thích:

1/ Cũng có, đồng với luận Tiểu thừa.

2/ Không có, vì công đức của Chư Phật, mỗi vị đều thù thắng nên đều gọi là luật nghi.

Dưới đây, là thứ tư, hỏi đáp, để giải thích lại, trong đó:

1/ Nói về mình thọ, người thọ. Nếu với tâm bình đẳng thọ trì, thì phước đức sẽ không khác nhau.

2/ Nói về chướng của giới.

3/ Nói về duyên xả giới.

Trong phần đầu nói rằng: Nếu do tự thọ v.v... Pháp sư Thái nói:

1/ Tự phát tâm thọ.

- 2/ Thọ với người khác.
- 3/ Thọ với Sư khác.
- 4/ Tự tịnh tâm thọ, không từ sư.

Hai hạng người sau đều có cả hai hạng người trước. Khi tâm muốn thọ, phương tiện của hai hạng trước. Thời gian chính thức phát giới của hai hạng sau.

Trong phần nói về chướng của giới, trước nói về không truyền trao. Sau, trái với đây, nói về thọ giới.

Trong phần trước có ba:

- 1/ Bí-sô.
- 2/ Cận sự.
- 3/ Cận trụ.

Trong phần trước có hai:

- 1/ Vãn hỏi người được thọ.
- 2/ Thiếu người có khả năng truyền trao.

Trong phần trước, 1/ Hỏi đáp nêu bày sáu nhân; 2/ Giải thích; 3/ Kết luận.

1/ Trong giải thích, trước nói về ý ưa gây tổn hại, vì cuộc cuộc sống bị các đau khổ, vì nuôi sống bản thân cho nên xuất gia. Trong luật tạng ngăn ngừa vãn hỏi, không có nhân ban đầu này.

2/ Nướng tựa, gây tổn hại cho thân, có ung nhọt, phù nề, chính là ở chỗ ngăn ngừa.

3/ Nam Căn bị tổn hại, nghĩa là Phiến-đệ-ca và Bán-trạch-ca v.v... những người này ở nơi vãn hỏi. Lại, Bán-trạch-ca có ba: toàn phần, một phần, và tổn hại.

Pháp sư Thái nói Bán-trạch-ca là không có chí tánh của người nam, là nghĩa ưa người khác làm lỗi ở nơi mình. Phiến-đệ-ca nghĩa là không có căn:

1/ Bán-trạch-ca có đủ hai nghĩa.

2/ Bán-trạch-ca có căn, không có chí tánh của người nam, vì ưa gây lỗi lầm, nên chỉ gọi là Bán-trạch-ca. Vì có căn, nên chẳng phải Phiến-đệ-ca.

3/ Vì không có căn, nên chỉ có Phiến-đệ-ca, chẳng phải vốn không có căn, mà vì bị người khác tàn hại. Tánh chí của người nam không thay đổi, không ưa thích người khác làm lỗi, nên chẳng phải Bán-trạch-ca. Nếu có tổn hại về sau, mất đi chí tánh của người nam, ưa người khác làm lỗi, đồng với tánh người nữ, thì gọi là Bán-trạch-ca, cũng vừa là Phiến-đệ-ca.



Pháp sư Khuy Cơ nói như luận Đối Pháp, quyển tám nói có năm thứ: bầm sinh nửa tháng, ganh ghét tằm gọi, cắt bỏ.

Trong đây, chỉ không có tằm gọi, vì trong đây, chia sự ganh ghét làm hai, nghĩa là bức bách mình, vì nhìn thấy người khác. Người kia kết hợp tằm gọi là loại ganh ghét, vì được tinh huyết của người khác mới khởi thể dụng.

Phiến-đệ-ca, Hán dịch là không có thể dụng của căn. Bán-trạch-ca, Hán dịch là ưa muốn người khác làm lỗi ở nơi mình.

Như bầm sinh gọi là toàn phần, nghĩa là không có căn. Ưa người khác làm lỗi ở mình, nên gọi là Bán-trạch-ca, vì không có thể dụng của căn, gọi là Phiến-đệ-ca, tức 1/ khi sanh ra đã không khởi thể dụng của người nam; 2/ ưa làm lỗi ở mình, gọi là Bán-trạch-ca, chẳng phải Phiến-đệ-ca có thể dụng của căn khởi.

Trong cắt bỏ có hai hạng người. Người này không đồng bầm sanh tiện, tất nhiên không có nam căn. Cắt bỏ nam căn đã từng có. Dù đã cắt bỏ, không có căn, nhưng tính dục vẫn chưa thay đổi. Nếu không ưa thích người khác làm lỗi thì chẳng phải Bán-trạch-ca, vì không có thể dụng của căn, nên gọi là Phiến-đệ-ca. Nếu ưa tự mình làm lỗi, thì gọi là Bán-trạch; vì không có căn, nên cũng là Phiến-đệ.

Tổn hại pháp bạch. Luận sư Bị nói gây ra năm tội Vô gián, hơn tội nhiễm đại ni, ngoại đạo trộm pháp, tội thân hình biểu hiện xuất gia, phạm tội bất cộng trụ (không ở chung). Nếu đuổi tạm, ở chỗ riêng khác, thì đều gọi là gây tổn hại pháp thanh bạch. Pháp sư Thái nói không ở chung, nghĩa là người phạm tội trọng. Nếu ở riêng: ở trên nói trong ý ưa gây tổn hại có lẽ vì sợ không có cách nuôi sống. Trong số tỳ-kheo, biểu hiện đối trá tự nói về pháp đồng với chúng kia. Đừng cho rằng các tỳ-kheo đồng cư trú với ta, gọi là ở chỗ riêng khác. Trước kia, lấy ý ưa gây tổn hại, giờ đây lấy nghĩa làm tổn hại pháp thanh bạch.

Cũng có thể Sa di phạm mười ba, cũng là trụ “tăng tàn”. Phòng, nhà, giường nằm, tọa cụ, gọi là biệt trụ (ở riêng). Trong mười giới, dù không có tội “tăng tàn”, nhưng vì trong luật rộng, đều kết chung về tội của Sa di, nên biết cũng có giới.

Pháp sư Cảnh bổ khuyết: Nếu phạm tội “không ở chung”, thì tạm thời đuổi đi, gọi là “biệt trụ”, đuổi hẳn, gọi là “không ở chung”.

Nay, giải thích luật: Phá hai đạo, nghĩa là ngoại đạo trong đây. Cần sách lén nghe pháp Đại thừa, gọi là “tặc trụ”. Cận cần sách phạm trọng bất cộng trụ, biệt dị trụ, có hai giải thích:

1/ Giải thích đồng với Pháp sư Thái.

2/ Giải thích khác: Cần sách khởi tà kiến, nói rằng việc dâm dục, chẳng chướng ngại đạo, v.v... nên bị đuổi, gọi là trụ riêng khác. Nhưng khi chưa phạm trọng, ở riêng trong đây, là thuộc về loại ngăn ngừa, ngoài ra đều là vạy hỏi.

Nói về hệ thuộc người khác, Pháp sư Thái nói nếu người bị vua ghét, vì tạo lỗi nhẹ, nên bị vua ghét. Tạo nghiệp không thích nghi với nhà vua và nghịch ác. Nếu người khác từ chối dẫn dắt thì thuộc về kẻ giặc. Nếu bị người khác bắt gặp được, ở vào thời trai trẻ, cha mẹ sẽ đuổi đi mất, bị người khác bắt được. Nếu có người tranh tụng, tranh tụng chưa quyết đoán là lệ thuộc kẻ thù hay thuộc về phép vua. Những việc này đều là ngăn ngừa.

Vì che chở giúp đỡ người khác, tức là vạy hỏi. Người giữ vườn. Pháp sư Thái nói âm gốc là Tăng già, Hán dịch là Viên (vườn), nghĩa là khi Đức Phật còn ở đời, chư tăng đều tu đạo ở dưới tàn cây trong khu vườn. Nay nói rằng A-la-ma tử viên. Chư tăng cũng cư trú trong vườn, đều cất am bên cạnh cây mà ở. Người giữ vườn kia, tức là xưa nói là họ Tăng-già-lam. Nếu cất chùa, nhà để ở, thì thường buông lung.

Pháp sư Khuy Cơ nói người giữ vườn: là người trông coi cổng chùa.

Có người giải thích: Tiếng Phạn là Tăng già, Hán dịch là Thủ (giữ). A-la-ma, Hán dịch là viên (vườn).

Dưới đây, nói thiếu người có khả năng trao giới. Luận sư Bị nói A-già-lợi-da, cũng dịch là A-xà-lê. Ổ-ba-đà-đa, tăng trụ thanh tịnh giới viên mãn, xưa gọi là Hòa-thượng, Hoà thượng cần phải thanh tịnh. Pháp sư Thái nói gồm có tám vị, sáu vị trước, nói duyên bên trong. Bảy thì thiếu Hòa-thượng, Xà-lê. Tám, thì thiếu mười giới tăng chúng. Pháp sư Khuy Cơ nói y theo sư biên minh về chướng, các bộ không đồng. Tuyệt sơn, Tây sơn, Bắc sơn Trụ Bộ đều nói rằng, Hoà thượng chưa hẳn là phải thanh tịnh, mà đại chúng cần phải thanh tịnh. Do đó, nói rằng nay từ chúng tăng xin thọ giới cụ túc. Vì lẽ, Hoà-thượng kia chỉ làm duyên thôi, chưa hẳn là phải thanh tịnh.

Tát-bà-đa v.v... cho rằng Hòa-thượng cần phải thanh tịnh, đại chúng không cần phải thanh tịnh. Do đó nói Hoà-thượng tên là v.v... Nay từ chúng Tăng để xin thọ giới cụ túc. Trước xưng danh hiệu Hoà thượng là duyên tăng thượng. Nay theo nhà giải thích của luận này có ba giải thích:

1/ Chỉ cần Hoà-thượng thanh tịnh, đại chúng không cần thanh tịnh vì giới thanh tịnh thuộc về trên.

2/ Đại chúng phải thanh tịnh, không cần Hòa-thượng thanh tịnh, vì trụ giới thanh tịnh thuộc về các vị dưới.

3/ Văn này nên đọc dài ra: Nếu đại chúng và Hòa-thượng đều thanh tịnh, mới được trao cho người thọ giới cụ túc. Hoặc mười, hoặc trong năm chúng cần phải có một vị hiểu biết luật nghi một cách tường tận, biết rõ về giới tướng, yết-ma là phải quấy. Cho nên về tội tánh, già giới, Hoà thượng đều gìn giữ. Xà lê giữ tánh giới, giá không nhất định, đều phải nói nhanh để cho người khác sinh điều thiện.

Luận sư Trắc nói gồm có bảy duyên: sáu duyên nói về chương bên trong. Nay duyên thứ bảy là nói về chương bên ngoài. Trừ sư yết-ma và Hoà thượng, ngoài ra là các sư tăng, được gọi là tăng trụ giới mãn, nghĩa là sư oai nghi và bảy vị tôn chứng.

Kế là, nói về chương của giới cận sự. Bỏ khuyết cho rằng chỉ do hai nhân, không nên vì thọ:

1/ Ý ưa thích gây tổn hại.

2/ Hình nam bị tổn hại. Dù rằng được thọ, vẫn không gọi là cận sự. Đây là so sánh biết y chỉ thân tổn hại, kèm theo chứng ung nhọt, phù nề v.v... cho thọ giới cận sự.

Pháp thanh bạch bị tổn hại, nếu tạo nghiệp Vô gián, ô nhiễm tỳ-kheo-ni, ngoại đạo, tặc trụ, tâm rất ăn năn sửa đổi, được thọ giới cận sự.

Lệ thuộc người khác, tại gia, người tục, cũng cho vì thọ cận sự.

Trong vì bảo vệ người khác, nếu các rồng v.v... biến hóa thành hình dáng người thế tục, vì thọ cận sự, không vì bảo vệ người khác, nên dưới đây sẽ nói về chương ngại của giới cận trụ.

Nếu gây tổn hại pháp thanh bạch, tâm rất ăn năn sửa đổi thì cho thọ giới cận trụ.

Nói “tùy người khác chuyển” nghĩa là chỉ tùy tâm người khác, biểu hiện lừa dối tương thọ giới.

Nói về duyên xả giới, trong đó có ba:

- Nói về năm duyên xả giới của Bí-sô. Hoặc do xả chỗ sở học, nghĩa là xả tâm thọ giới xưa, hoặc do phạm tội căn bản. Pháp sư Cảnh nói những lời nói dựa vào Bồ-tát địa, quyển bốn mươi nói Bồ-tát phạm bốn pháp thắng xứ khác, thường thường hiện hành, đều không biết hổ thẹn, phải biết đây gọi là phạm triền phẩm thượng, chẳng phải là triền phẩm hạ, trung, hễ một lần phạm, tức là xả giới. So sánh biết hàng Thanh văn cũng vậy, tức đả phá triền phẩm hạ, trung, thượng của Chánh Lượng bộ, tùy theo một phen hiện tiền, hễ một khi phạm, tức là

xả giới. Đã nói phạm triền phẩm thượng, liền xả, tức phá Tát-bà-đa đã phạm ba phẩm triền, đều không xả giới.

Kinh Thập Luân y theo phạm triền phẩm trung, hạ, nên nói rằng phạm trọng không xả. Kinh Niết-bàn quyển 30 nói rằng nếu nói xả giới, hoặc không xả giới, đều không hiểu ý ta. Chánh lượng bộ chê Tát-bà-đa bộ rằng: - Ông nói rằng phạm trọng không xả giới, sẽ tăng trưởng nhân duyên phạm tội trọng của Bí-sô. Lại nữa, Trung bộ của ông, vì người phạm tội trọng quá nhiều, nên ông mới đặt ra phán quyết này.

Người Tát-bà-đa nói với Chánh Lượng bộ: Tông chỉ của ông lập phạm trọng, tức xả giới, khiến cho các người phạm, đối với bản thân mình, nảy sinh tưởng không có giới, tức là thường trái phạm, do đó càng tạo rộng thêm các nghiệp bất thiện.

Ngài Tam Tạng nói theo Bồ-tát địa phạm tội, mà xả, chủ yếu là tâm phẩm Thượng phạm, mới mất. Ở đây cũng như thế, đây không thành giải thích. Như tâm phẩm thượng của Bồ-tát địa vì không biết hổ thẹn. Trong giới của Thanh văn này hề phạm liền mất, không kể tâm phẩm thượng, trung, hạ vì đều vượt ngoài giáo pháp, vì đều phạm tánh tội. Hoặc do hình mất, hai hình sinh. Hình mất và hai hình sinh đều phân biệt làm duyên, nên là sáu duyên, vì đều nói về loại hình, lập chung một duyên.

- Một giải thích khác không có hình, không xả giới, như người dẫn dẫn mạng chung, được nhập kiến đạo, lẽ ra cũng không xả giới.

Luận sư Bị nói: Trước, chuyển tỳ-kheo thành tỳ-kheo-ni. Sau nữ căn mất, vì hai hình sinh, làm chung một duyên. Chánh pháp ẩn mất, dù không có người mới thọ giới, người thọ giới trước không xả, lại đồng với luận của Tiểu thừa.

Luận sư Trắc nói Chánh pháp một ngàn năm, tượng pháp một ngàn năm, mạt pháp một muôn năm.

- Kế là, nói về ba duyên xả giới của cận sự. Pháp sư Khuy Cơ nói cận sự này không có phạm tội trọng, vì không gọi là phi phạm hạnh, nên ăn năn, cũng thanh tịnh trở lại. Hai hình sinh vẫn trở thành tánh của cận sự.

Dưới đây, nói về ba duyên xả giới của cận trụ. Bồ khuyết rằng: Mặt trời mọc về sau, nghĩa là vì thế giới cùng khắp nên xả, chỉ y theo vào thời gian rất ít để luận. Về mặt lý, thật ra cũng có, cho đến nhiều năm, đại khái không có dứt trừ điều thiện. Và hai hình sinh, xả cũng có thể dứt trừ điều thiện, hẳn là do nhiều lúc thường khởi phương tiện. Thời gian trung gian một ngày, một đêm, mất, không dứt trừ điều thiện,

xả. Hai hình tại gia cho thọ giới cận trụ, nên không có hai hình sinh, xả. Pháp sư Khuy Cơ nói cũng không có phạm tội trọng vì chẳng phải rớt ráo lìa phi phạm hạnh. Lại nói ngài Tam Tạng nói cứ trong một trăm hạnh trên, có một ngày cho đến một năm, nên biết rằng giới cận trụ cũng được nhiều thời gian, vì tâm kỳ nguyện rộng.

Nếu vậy, như tâm kỳ nguyện của giới tỳ-kheo cho đến nhiều đời, há tức nối tiếp nhau. Vì phần thế của căn kỳ nguyện không nhiều lắm. Nếu trải qua một tháng v.v... chỉ là thiện, chẳng phải luật nghi xử trung. Trong một trăm hạnh, đâu ngại gì gồm thâu thiện xử trung. Lại, lời thế của năm giới chỉ một tháng, há thành tựu giới luật nghi. Vì chỉ là duyên cố xử trung, nên trong đây lược qua không có duyên xả giới bất luật nghi.

Cơ Pháp sư nói có bốn duyên xả:

- 1/ Xả nghiệp.
- 2/ Thọ giới.
- 3/ Qua đời.
- 4/ Được định.

Có nghĩa hai hình lúc sinh cũng xả, nghĩa khi hai hình sinh không xả, về sau làm duyên. Thứ tám của môn Đại thừa nói về hai định vô tâm, trước là Định vô tưởng; trong đó trước hỏi, sau đáp. Trong đáp có sáu:

1/ Nói về phần giới hạn được định, nghĩa là đã hàng phục được tham của ba định trở xuống, chưa đàn áp được tham của định thứ tư trở lên.

2/ Tu tác ý, tu tưởng Niết-bàn.

3/ Về thể của định, tức ở chín phẩm của định thứ tư, có nghĩa ngăn ngừa tâm trên hạt giống của tâm nhàm chán, giả lập ra thể của Định vô tưởng. Vì không có tâm, vắng lặng, duy trì thân không lay động, nên nói rằng chỉ diệt, chỉ không chuyển biến. Nếu ở vào lúc phương tiện mong cầu định, trước hết nhập định thứ tư, tâm pháp của chín phẩm gia tăng từ phẩm hạ đến trung, cho đến thứ chín, được gọi là định biên tế. Định này sau khi diệt, định vô tưởng sẽ sinh.

4/ Nói về giả thật, chỉ là giả có, không đồng với Tát-bà-đa.

5/ Nói về sự khác nhau, gồm có ba phẩm kia. Pháp sư Cảnh nói phẩm hạ tu xong, không nhất định được quả báo, vì y theo ở người này, quyển sáu mươi hai nói Định vô tưởng trước khởi ở đây, sắc thân sau, khởi lại hiện ở trước, khi xả thân của địa trên, mới thọ báo kia là sinh báo. Theo Câu-xá v.v... trong Tiểu thừa nói Định vô tưởng là địa

kia nhân sinh báo, quyết định được báo. Hai là mới khởi, như ở cõi Dục, nghe giáo của ngoại đạo, tu định vô tướng, tức được Niết-bàn Vô Tướng, ngay khi giải thoát, liền khởi văn, tư cõi Dục làm phương tiện nhập định. Văn, tư như thế, tức làm nhân sinh báo sau của người trời. Hoặc lúc bấy giờ, lại khởi tà kiến, chê bai không có dòng họ Thích đã chứng Niết-bàn, tức sẽ làm nhân sinh báo sau của đường ác. Dưới đây, tức nhập Sơ định, cho đến thứ tư. Trong định thứ tư, muốn khởi tâm nhằm chán của chín phẩm để cầu Định vô tướng, trong chưa được, chợt được người dạy răn, bị bệnh rồi chết. Sau khi chết, liền sinh lên cõi trời Quảng Quả của tinh lự thứ tư, được túc mạng. Ở cõi dưới, tu định Vô tướng, chưa được, vì qua đời nên sanh đến sau, tức ở đời ấy, tu được định ấy, gọi là ở cõi Sắc mới khởi. Nếu ở cõi dưới không có chướng mà tu được, gọi là ở cõi Dục mới khởi.

Cơ Pháp sư nêu ra:

Hỏi: Hạt giống tâm đề phòng ở tâm, thể nhất định chẳng phải sắc tâm. Hạt giống của sắc, ngăn ngừa đối với sắc, thể của giới chẳng phải là sắc của tâm?

Đáp: Hạt giống của sắc, ngăn ngừa đối với sắc, thể của hạt giống là sắc, tức sắc chẳng phải tâm. Hạt giống của tâm ngăn ngừa đối với tâm, thể của hạt giống chẳng phải tâm, tức gọi là chẳng phải sắc của tâm.

Hỏi: Dùng sắc để gìn giữ ở sắc, hạt giống sắc, lại gọi là sắc. Dùng tâm gìn giữ nơi tâm, hạt giống của tâm tức chẳng phải sắc tâm?

Đáp: Hạt giống của sắc đã gìn giữ sắc, thể của hạt giống tức thuộc về sắc.

Nếu như vậy, hạt giống của tâm đã gìn giữ tâm, thì hạt giống tâm lẽ ra thuộc về tâm.

Đáp: Hạt giống của sắc gìn giữ sắc phi thiện khởi, nương tựa hạt giống để lập giới, tức là sắc. Hạt giống của tâm nhằm chán cũng gìn giữ tâm, không có tâm khởi riêng, nên là chẳng phải sắc của tâm.

Hỏi: Hạt giống sắc nói là gìn giữ điều quấy, hạt giống sắc, được gọi là sắc thiện khởi. Hạt giống tâm gìn giữ tâm, lự. Hạt giống lự lại nói là tâm sinh?

Đáp: Thể của tâm vốn “duyên” lự vì hạt giống của lự không có “duyên” nên chẳng phải tâm. Tư từ chỗ gìn giữ (đối tượng gìn giữ) nói là sắc. Hạt giống của tư vì có gìn giữ nên thuộc về sắc.

6/ Nói về quả của Vô tướng, ngài Tam Tạng nói mới sinh có tâm. Tâm này thông qua tánh thiện, vô ký, vì tự nhiên khởi, nên gọi là “sinh

đắc”. Khi tâm này diệt rồi, Dị thực vô tướng sẽ được kiến lập trên Thức A-lại-da.

Luận sư Tuyên nói sơ sinh có báo ý thức. Vì thức này diệt, nên gọi là tâm, tâm sở pháp của “sinh đắc bị diệt”.

Luận sư Bị nói do hạt giống tư của chín phẩm đã chiêu cảm quả của định thứ tư.

Pháp sư Thái nói trời Vô tướng kia lúc mới thọ sinh và xả tuổi thọ đều không có ý thức. Nói tâm, tâm pháp của “sinh đắc” diệt, tức là trong đó có tức tâm chưa nhiễm ô, vì nhậm vận khởi, nên gọi là “sinh đắc”. Tâm, tâm pháp này diệt rồi, về sau thọ “sinh hữu”, gọi là tâm, tâm pháp của sinh đắc diệt, kiến lập vô tướng. Nhưng vô tướng là báo riêng, ở trên thức thứ tám, có công năng gìn giữ tâm không khởi, là thể của báo riêng, tức thể tư của Định vô tướng cảm báo chung, ở trên có công năng gìn giữ tâm chiêu cảm báo riêng.

Pháp sư Khuy Cơ gạn rằng: Tâm, tâm pháp hiện hành của thức thứ tám, làm sao gọi là công năng của tâm nhằm chán cảm báo riêng của Vô tướng. Hơn nữa, kiến lập trên tâm, tâm pháp không hiện hành của địa vị định, vì sao tức trên một Tư lại chiêu cảm chung quả báo chung, riêng ư? Lại, nghiệp vô tâm làm sao cảm được quả báo của thức thứ tám hữu tâm.

Giải thích này: Không đúng, vì nếu nhất định tư ở trước là nghiệp báo chung, cảm báo chung của thức thứ tám, nếu công năng của hạt giống của tâm nhằm chán là nghiệp báo riêng thì sẽ cảm tâm, tâm pháp “sinh đắc” của thức thứ sáu và báo riêng của sắc uẩn v.v... Nếu báo “sinh đắc” khi tâm không nhằm chán của gia hạnh ở trước thì xả thọ của Dị thực có thể sinh. Do tâm nhằm chán của gia hạnh trước, nên tâm của báo “sinh đắc” ngày nay bất sinh. Với hạt giống này ngăn ngừa tâm, không khởi công năng kiến lập vô tướng, tức nghiệp báo riêng cảm thể của pháp báo riêng, không có hai thuyết có tâm, không tâm lẫn lộn. Trong đây vì không nói là một kỳ hạn có tâm, nên biết rằng giả sử ở chỗ khác nói có tâm, thì đó là môn thuận theo lý.

Lại, vặn hỏi Bí-sô tăng thượng mạn v.v... rất dễ hiểu trong đây sinh hai uẩn thành một nghiệp cảm nghiệp cảm riêng.

Đáp: Nếu bao chung thì đồng một nghiệp, nếu báo riêng thì nghiệp cảm riêng, cho nên “trung hữu” có tâm, còn sinh hữu không có tâm, đâu có sai lầm. Cũng thích hợp với tư trước, hoặc thể của tư cảm báo riêng của “trung hữu”, tâm nhằm chán của công năng trên tư thì chiêu cảm sinh hữu.

Dưới đây, sẽ nói về diệt định: trước hỏi, sau đáp. Trong đáp có bảy:

1/ Nói về phần vị được định.

2/ Nói về tu ý.

3/ Nói về thể của định, chính là lấy chín phẩm tâm vô lậu của Phi tướng để thực hành quán nhằm chán kia, và khi cầu Diệt định, sẽ huân tập thức trở thành hạt giống. Hạt giống có nghĩa ngăn ngừa tâm, giả lập làm định. Nếu với phương tiện khi sắp muốn nhập, thì trước là khởi định ban đầu, kế là khởi thứ hai, cho đến Phi tướng. Lại, từ Phi tướng nhập ngược lại đến sơ định. Lại, từ Sơ định, thuận theo thứ lớp, nhập trở lên, cho đến Phi tướng, ở địa Phi tướng khởi chín phẩm tâm xoay vần diệt, bắt đầu khởi trở lên trên, sinh nhằm chán, không khởi. Kế là, khởi thượng, trung, lại nhằm chán không khởi, cho đến tướng nhỏ nhiệm của tâm hạ hạ của địa thứ chín, ở địa này sinh nhằm chán, ưa thích ở diệt định. Từ tâm này đoạn diệt, định mới sáng tỏ. Tám phẩm trước dù có hạt giống nhằm chán, do tâm chưa hết, diệt định chưa viên mãn. Lúc địa thứ chín diệt, diệt định mới đủ. Lúc tu ở định này, Thanh văn ở phương tiện trên, Độc giác thì ở giữa, Bồ-tát ở dưới, Phật không có phương tiện, nhậm vận hiện ở trước.

4/ Nói chỉ diệt chuyển thức, không diệt Lại da.

5/ Nói định chân, giả.

6/ Nói về phẩm loại có ba, có lui sụt, không lui sụt.

7/ Nói về người được định, qua đó trước là nói về thân chứng Hữu học và Vô học đều giải thoát, có thể nhập định này. Về sau đối với nói về Định vô tướng, chẳng phải là định mà bậc Thánh nhập. Pháp sư Khuy Cơ nói diệt định là vô lậu không chiêu cảm quả báo. Nhưng có người chưa lìa tham của thiên thứ tư đều được.

Nay ở đây y theo ở người dứt trừ “hoặc”, không bàn đến người hàng phục “hoặc”. Tuy nhiên, Cựu luận nói có mười ba hạng người được, nghĩa là người còn bị ràng buộc (cụ phược) và tám đạo giải thoát: A-la-hán, Độc giác, Như Lai. Nay, Bồ-tát nhập địa của Đại thừa cũng được. Dù người hàng phục “hoặc” thứ tư được, cũng đâu có trở ngại, vẫn đều là ràng buộc. Định vô tướng, phi học, phi vô học đã nhập, vì không có tuệ hiện hành.

Pháp sư Thái nói lúc được báo Vô tướng, không có tuệ hiện hành. Luận sư Cảnh nói khi nhập định Vô Tướng, vì phương tiện không có tâm vô lậu, nên gọi là không có tuệ hiện hành, vắng lặng trụ và sinh, nghĩa là diệt định là trụ. Bốn xứ của Vô Sắc là sinh, vì định vô tướng có trụ



vượt hơn kia và sinh, nên các bậc Thánh đều không nhập định vô tướng và bất sinh lên trời Vô Tướng. Lại, định này không thể chứng, vì chưa được pháp thù thắng, vì y theo chỗ huyễn nên bậc Thánh không nhập.

Đại môn thứ chín môn nói về Hư không phi trạch diệt, trước nói về hư không. Ngài Tam Tạng nói y theo luận Đại Trang Nghiêm bản Phạn cũng nói như thế. Hư không thế nào? Nghĩa là sắc chẳng thật có. Phải biết rằng, cõi hư không được giả lập, trên nghĩa sắc không chướng ngại nhau, nên nói là sắc chẳng phải có. Về lý, thật ra ở chỗ mà các pháp hữu vi đều không thật có, đó là hư không, nên trong luận Phật Địa, Luận chủ đã y theo vào tướng thô nên nói là sắc chẳng phải có (rộng như luận ấy nói). Lại, theo luận Hiển Dương nói hư không cũng có cả ba tánh: như biến kế v.v... Ngài Tam Tạng cũng nói tám thứ vô vi đều có cả ba tánh. Pháp sư Khuy Cơ nói hư không vô vi, nghĩa là vì mường tượng với cảnh tướng “sở duyên” của tứ, nên kiến lập là thường, chẳng phải “duyên” tâm kia mà là “duyên” cảnh giới kia, vì có khi thay đổi.

Kế là, nói về phi trạch diệt. Pháp sư Thái nói cảnh kia đối với tâm này, cuối cùng không còn sinh nữa, nên khi tạm thời bất sinh, được phi trạch diệt. Nhưng pháp tạm bất sinh ấy, thời gian sau, khi gặp “duyên” lại được sinh.

Nói: chỉ trừ người chưa nhập Vô dư v.v... nghĩa là ở trước, nói về người học được, ở đây nói về lỗi của người học, vì chưa thể dứt trừ hạt giống ái, chỉ trừ lỗi này đều xa lìa.

Pháp sư Cảnh nói chỉ trừ chưa dứt hạt giống ái, nguyện, nên khác với bậc Vô học, do văn này chứng tỏ rằng bậc Thánh không tạo nghiệp.

Pháp sư Khuy Cơ nói không có hình, hai hình v.v... đồng sinh: nghĩa là những việc này lấy bảy lần sinh của Sơ quả. Ngoài ra, tất cả hình thái khác đều sinh, hoặc ái, hoặc nguyện. Ái có hai thứ:

- 1/ Phát nghiệp.
- 2/ Nhuận sinh.

Về ái của nhuận sinh, bậc Thánh cũng có. Nay ái này đã không, nghĩa là đã phát nghiệp. Nguyện tức là loại ái, thuộc về phiền não ái. Theo văn, chỉ trừ chưa nhập vô dư, dứt hẳn hạt giống vô minh. Nguyện tức là ái. Hoặc nguyện nghĩa là nguyện sinh lên trời v.v... vì đều là nguyên nhân của sinh tử nên bậc Thánh không khởi.

Luận sư Trắc nói:

Hỏi: Người chứng hai quả đầu chưa dứt trừ “hoặc” do tu đoạn của cõi Dục, để hồi Tiểu thừa nhập Đại thừa, có “hoặc” của ba cõi, sao không thọ thân nữ ư?

Một giải thích: Cũng được, nhưng vì Luận chủ y theo ở người không hồi hướng, nên được Phi trạch diệt. Phi trạch diệt nghĩa là vì đã không nhất định. Lại giải thích không được, vì được rồi thì bất sinh.

Đại môn thứ mười nói chung danh nghĩa bất tương ứng. Pháp sư Khuy Cơ nói “ngôn” bất tương ứng là giả, “tướng” là danh. Vì khởi ngôn thuyết, như trong tư tuệ ở trước nói vì dựa vào sáu sự mà khởi ngôn thuyết, tức thuộc về chủ thể của ngôn luận v.v... chẳng phải có hai thứ sắc v.v... chỉ có giả danh.

Luận Hiển Dương quyển thứ nhất nói phải biết rằng còn có chủng loại như thế, lược qua không lập, tức chẳng phải đặc v.v...

Trên đây, mười môn đã được phân biệt tóm tắt sáu thiện xảo xong. Dưới đây sẽ nói rộng: trước, là kết trước, hỏi sau, đối với câu hỏi sẽ nói rộng.

Sáu thiện xảo, nghĩa là uẩn, giới, xứ, xứ phi xứ duyên khởi căn. Ở mười môn trước, dù không biểu thị rõ về danh của mười môn, nhưng đã quyết định nghĩa quan trọng, ẩn sâu, của sáu thiện xảo nên kết luận rằng “đã nói như thế”.

Nói rộng, tức chia làm sáu đoạn. Trong uẩn thiện xảo lại chia làm ba:

- 1/ Dùng sáu môn để phân biệt.
- 2/ Dùng hai môn danh, sắc để phân biệt.
- 3/ Rộng dùng các môn để phân biệt.

Trong phần trước, nửa bài tụng đầu, bày tỏ sáu nghĩa của sáu môn kia. Sau văn xuôi giải thích riêng.

Y theo ở tự tánh ban đầu, trước giải thích, sau kết. Trong phần giải thích chia làm năm.

Trong tự tánh của sắc, đầu tiên nói có mười một; sau y theo ở hai sắc của đại tạo biến đổi, trở ngại, để giải thích về tướng mạo của sắc ngoại.

Trong tự tánh của thọ, trước nói về sáu thứ, sau nói về hai thọ của thân tâm.

Trong phần hỏi đáp sau đây, sẽ giải thích rõ về ý thọ của thân tâm.

Trong tự tánh của tướng, trước nói về sáu thứ như trước, tức do sáu căn sinh ra. Lại, tướng có sáu, nói là hữu tướng, vô tướng v.v... nghĩa là đều khác với luận Đối pháp quyển thứ nhất. Xét hiểu rất dễ nên không luận.

Trong tự tánh của Hành rằng: Do năm chủng loại khiến tâm tạo

tác, đây đều là công năng của tư, một làm cảnh, tùy theo cho. Pháp sư Cảnh nói nghĩa là đối với cảnh hòa hợp. Chống đối tư tùy theo cảnh này đều chuyển biến với thức.

Luận sư Bị nói nghĩa là tư có thể phát tâm, làm cho cảnh tùy tâm chuyển, nói là tạo tác, cảnh tạo tác tùy theo tâm.

Pháp sư Thái nói nghĩa là tư khiến cho tâm đối với cảnh sở duyên, tùy cho lãnh nạp hòa hợp, chống trái.

Pháp sư Khuy Cơ nói do tư khiến tâm đối với cảnh sở duyên, tùy theo cho, nhận lãnh, không cần nói hòa hợp v.v... Thứ nhất này là câu chung. Nếu nói hòa hợp v.v... đâu có khác với thứ hai v.v...

2/ Khiến tâm thuận với hội ngộ .

3/ Trái, lìa với cảnh.

4/ Phát nghiệp hữu lậu.

5/ Khiến tâm vương tự tại.

Trong tự tánh của thức, sự lãnh thọ khác nhau có ba, đó là ba thọ tương ứng với thức; chọn lấy cảnh sai khác có sáu, nghĩa là tướng vì hay chọn lấy cảnh nên y theo ở tướng lấy tương ứng với sáu thức, có thể y theo ở thể thức để chọn lấy sáu cảnh, như nói tâm làm nghiệp chọn lấy, nhóm hợp. Ý là tập hợp, chọn lấy rộng. Thức là cái mà thức nhận biết.

Phần vị sai khác có ba. Pháp sư Thái nói tùy theo ba thọ, khởi phần vị có ba. Cũng có thể tùy phần vị của hành, tư làm ba tánh. Pháp sư Cảnh nói thức của ba đời cũng có thể là thức của ba tánh. Thứ hai giải thích nghĩa uẩn:

1/ Y theo ở mười một nghĩa để nói chung, sơ lược về nghĩa chứa nhóm.

2/ Nói vì so sánh, làm sáng tỏ nghĩa vô ngã, nhằm kiến lập uẩn. Đây chính là phá chấp ngã ở các uẩn, nhằm chứng tỏ trong các uẩn chỉ có các hành đều vô ngã.

Thứ ba, là sự khác nhau của uẩn, tức có năm đoạn. Ba thứ như sắc thanh tịnh v.v... trong sắc uẩn sai biệt, tức căn, trần và sắc trong pháp xứ. Nếu thức dựa vào chấp thì gọi là chấp sắc của thọ. Luận Câu-xá nói nghĩa chấp khổ là vui, đồng với văn này. Nếu thức không là trống không thì gọi là không thức của sắc đồng phần, gọi là đồng phần kia.

Pháp sư Cảnh nói nay tông Đại thừa chỉ y theo vào năm căn để phân biệt hai thứ. Trong một căn, bất không và thức, đồng được cảnh trước, gọi là phần, nên nói là do căn này bình đẳng với thức, vì nghĩa chuyển. Nghĩa là cảnh giới, căn, thức đồng chuyển biến ở cảnh, gọi là nghĩa bình đẳng chuyển. Căn trống không, không có thức thì không

được cảnh, phân biệt với căn phần, gọi là đồng phần kia. Dù không được cảnh, mà tự loại liên tục sinh.

Hỏi: Như Tiểu thừa y theo mười tám giới để nói về đồng phần kia của đồng phần, vì sao trong đây lại chỉ y theo ở căn thôi ư?

Giải thích: - Pháp quá khứ, vị lai của Đại thừa không có. Thức hiện tại khởi, tất nhiên, không cần nói về đồng phần, đồng phần kia. Tự loại của năm căn nối tiếp nhau. Nếu hợp với thức, đồng với thức chấp cảnh thì gọi là đồng phần. Nếu không hợp với thức thì gọi là đồng phần kia.

Năm trần chỉ là đối tượng lấy, chẳng phải chủ thể lấy. Vì không đồng với năm căn, hoặc không thể lấy, nên cũng không luận về đồng phần, đồng phần kia.

Luận sư Trắc nói ngoài đồng phần kia, gọi là đồng phần kia. Nay, giải thích hai nghĩa:

1/ Khác với đồng phần, gọi là đồng phần kia.

2/ Phần đồng gọi là kia, vì loại kia, nên gọi là tướng của đồng phần kia đã vận hành, nghĩa là “duyên” tướng sắc v.v... Pháp sư Cảnh nói Tỳ đàm, Bà sa giải thích về không xứ đều là ba tướng này:

1/ Quá khứ có tướng sắc, nghĩa là tướng tương ứng với thức.

2/ Diệt tướng có đối, nghĩa là tướng ứng với năm thức.

3/ Không nhớ nghĩ các tướng, nghĩa là tính lự thứ tư tương ứng với ý thức. Các thứ phân biệt tướng nếu nhiễm ô thì “duyên” đương địa mười, nhập trừ hương vị; không nhiễm ô nghĩa là “duyên” mười hai nhập, nên luận kia nói quá khứ có tướng mạo của sắc diệt, tướng có đối không nhớ nghĩ đến các thứ tướng, nhập vô biên không xứ v.v... Nay, trong Đại thừa đã nói ba tướng đều là tướng của ý thức sau nhãn thức, trong đó:

1/ Nêu ba tướng của chủ thể duyên, đó là một tướng sắc.

2/ Tướng có đối.

3/ Phân biệt tướng khác.

Kế là, nói về tướng của sắc sở duyên, có ba:

1/ Tướng của bóng sáng.

2/ Y theo ở phương hướng, nơi chốn.

3/ Tướng trụ chứa nhóm.

Dưới đây, là thuộc về tướng của ba sắc, tùy theo thứ lớp ba sắc kia, làm đối tượng hoạt động của ba tướng trên. Lấy tướng xanh v.v... gọi là tướng sắc.

Trên, nói về bóng sáng. Nay lấy màu xanh v.v... đồng với hiển

sắc; về mặt lý, cũng không có gì trở ngại.

Chủ thể lấy hành trở ngại, gọi là tướng có đối, tức lấy y theo ở sắc hình ngại của đông tây kia. Chủ thể lấy nam, nữ, nhà, ruộng v.v... gọi là tướng khác riêng, tức lấy sự tu tập giả có, mỗi thứ tướng đã nương tựa sắc khác nhau. Luận sư Trắc nói nêu hai thứ, ánh sáng, bao gồm màu xanh v.v... cũng có thể gồm thâu chung hiển sắc, tạo ra danh từ bóng sáng.

Biên tế, nghĩa là đại khái có hai thứ bình đẳng. Văn này là nói đến định vượt hơn của Vô Sắc. Địa dưới duyên mười một thứ sắc, khởi ngược lại ảnh tượng, hợp với hiện ở trước, cũng như quyển năm mươi chín ở dưới sẽ nói về mạn “duyên” địa dưới, nghĩa là sinh lên địa trên, chấp tự thân v.v... là thường, là lạc. “Duyên” ở địa dưới, nảy sinh tướng mạo thấp kém, mà sinh ra kiêu mạn.

Việc trong khác nhau của thọ uẩn, việc là nhận lãnh, nghĩa là thể của thọ và thuận với pháp lãnh nạp, nghĩa là tánh tự của tâm tương ứng đồng thời với thọ. Tướng nghĩa là tự tướng và cộng tướng v.v... nghĩa là khi “lạc thọ” duyên hư hoại, sinh ra khổ. Nếu sau lúc lạc thọ, tức khổ khổ, vì tánh thọ khổ, nên nói khổ khổ. Xả thọ là hành khổ, bởi kèm theo sự thô nặng, không yên ổn. Vì hành này là khổ, nên gọi là hành khổ, đây là tự tướng (tướng riêng). Tùy theo đã có thọ, thì tất cả đều là khổ thọ, gọi là cộng tướng (tướng chung).

Sinh, là nhân của thọ, nghĩa là mười sáu xúc. Trước là sáu thức tương ứng với xúc. Kế là, hợp với năm thức trước, gọi là xúc có đối. Thức thứ sáu tương ứng với xúc, được gọi là Tăng ngữ xúc. Pháp sư Thái nói năm thức đều được “duyên” thật tướng, xứng với tự tướng, được gọi là xúc có đối. Ý thức có phân biệt “duyên”, danh dùng làm cảnh, vì đối với năm thức, dùng làm duyên, nên gọi là tăng ngữ xúc. Lại, danh, câu, văn là ngữ. Ngữ này tăng trong cảnh, nên gọi là Tăng ngữ. Ý “duyên” tăng ngữ này làm cảnh, được gọi là tăng ngữ xúc.

Pháp sư Khuy Cơ nói nghĩa là ý thức tăng trưởng ngữ, vì là chủ thể phát ngữ nên gọi là tăng ngữ xúc. Do ba thọ tương ứng với xúc, được gọi là thuận với lạc v.v... Ba thọ này cũng bao gồm hết xúc. Kế là, yêu, giận tương ứng với xúc, gồm thâu xúc không hết. Kế là, nói về ba thứ như xúc, v.v... cũng bao gồm hết cả xúc, xúc sáng suốt, nói là vô lậu, vô minh, nghĩa là bất thiện, vô ký. Phi minh, phi vô minh, nghĩa là xúc thiện hữu lậu.

Tám thứ quán: như Bồ-tát địa, phẩm Bồ-đề phân pháp, khéo biết tám thứ môn quán trong thế gian.

Pháp sư Cảnh bổ khuyết: 1/ Nêu chương; 2/ Giải thích.

Trong giải thích: 1/ Dẫn kinh nói; 2/ Giải thích. Tất cả Như Lai cho đến thọ có bao nhiêu thứ? Quán riêng ba thọ là khổ. Cái gì là tập thọ? Quán hiện xúc là tập hiện thọ, đồng thời với nhân quả. Cái gì là diệt thọ? Nghĩa là quán thọ diệt. Cái gì là tập thọ hưởng về hành? Nghĩa là quán nghiệp là tập thọ của báo sau, đây là trong tập có hai. Trong bảy xứ thiện của Tỳ-bà-sa chỉ thêm một tập này.

Cái gì là diệt thọ hưởng về hành? Đó là quán đạo đế.

Kế là ba thứ sau, tức là quán lại khổ, tập và diệt, lược qua không quán lại đạo, vì theo giải thích xưa, thì trí “năng quán” chính là đạo đế, nên không quán lại.

Trên đây, đã dựa vào kinh để dẫn tám quán xong.

Khi quán như thế v.v... trở xuống, là giải thích về nghĩa tám quán trong kinh kia.

Như thật biết rõ thọ có ba thứ, nghĩa là kinh tự giải thích đối với quán ban đầu về tự tánh của ba thọ là khổ.

Vì tập xúc, nên tập thọ, nghĩa là quán xúc là tập. Nên biết rằng như kinh có phân biệt nói rộng, giải thích đầy đủ như kinh.

Trên đây là dẫn kinh. Dưới đây, Luận chủ sẽ giải thích về tám câu trường hợp của kinh.

Quán tướng của tự tướng, nghĩa là quán tự tướng của ba thọ là khổ. Quán nhân chuyển hiện pháp, nghĩa là quán xúc hiện tại đồng thời sinh thọ dùng làm nhân chuyển. Quán diệt kia, nghĩa là quán thọ diệt.

Quán nhân chuyển pháp sau, nghĩa là quán nghiệp thiện ác, tập thọ sau, nên nói là nhân chuyển pháp sau.

Quán diệt kia, nghĩa là quán đạo đế, có khả năng diệt thọ kia, gọi là quán diệt kia.

Quán hai nhân chuyển kia, nghĩa là quán vị ái của thọ, chỉ có thể sinh trưởng nhân hiện thọ, tiếp xúc với nghiệp nhân của thọ sau, nên nói là quán hai nhân chuyển kia.

Quán hai nhân chuyển diệt, nghĩa là khi quán lỗi của thọ, có thể tiêu diệt hai nhân chuyển: hiện tại, mai sau kia.

Và, quán thanh tịnh, nghĩa là quán thọ, xuất ly, giải thoát, vô vi gọi là thanh tịnh. Pháp sư Khuy Cơ nói nay y theo văn dưới đây nói “quán diệt kia tức là diệt đế”, xét theo Bồ-tát địa thì không đồng. Cũng có thể giải thích đồng với địa kia, nói diệt này tức pháp diệt, gọi là diệt vị ái, nghĩa là tập đế trong tu đạo.

Lỗi lầm tức quán khổ đế. Nay, y theo văn dưới đây nói rằng quán

hai nhân chuyển kia, tức kế là, quán lại nhân chuyển hiện pháp của tập đế ở trước, nên nói là hai nhân kia. Lại nói quán hai nhân chuyển diệt kia tức quán lỗi lầm là đạo đế, vì dùng quán khổ làm tai hoạn lỗi lầm là công hạnh của đạo đế.

Nếu không như vậy, tức hai chuyển kia của các văn ở dưới đều là hai đế của tai hại lỗi lầm của vị ái. Trong xuất ly dưới đây gồm thân chung hai đế đạo, diệt, như lỗi lầm ở trước là đạo đế, tức nhân diệt, đây là vượt hơn.

Xét về hai định của Bồ-tát địa ra khỏi khổ căn. Pháp sư Khuy Cơ bổ khuyết: về mặt đạo lý, khổ và ưu căn kia lia đục của cõi Dục, thì tất cả đều lia, mà nói tính lự thứ hai lia căn, nghĩa là y theo có khổ căn thô nặng, không có tánh để gánh vác hữu báo của sơ định. Nay, được tính lự thứ hai mới xa lia, vì khổ căn của sơ định thô nặng không đồng. Theo luận Tiểu thừa, sơ định cũng có ba thức. Đối tượng nương tựa của khổ căn, được gọi là có khổ căn trong sự khác nhau của tướng uẩn.

Pháp sư Khuy Cơ nói sự khác nhau của điên đảo, nghĩa là các người ngu không có được sự hiểu biết rõ ràng, thậm chí còn gọi là tướng trái ngược v.v... nghĩa là vô minh, như quyển thứ tám nói đây là căn bản của sự trái ngược.

Trong đây, y theo tướng là số tướng, nhưng chung cho cả nội, ngoại đạo, đã khởi ngược, gọi là chung là tướng ngược, trong đó chia đối lập tâm trái ngược, kiến trái ngược. Nếu ngoại đạo xuất gia, khởi ba kiến hoàn toàn, một ít phần kiến đều có với tướng, thì đây là kiến ngược, cũng là tướng ngược. Nếu người tại gia đối với cảnh, khởi tham với tướng trái ngược đều cùng có, thì cũng gọi là tướng trái ngược, cũng tâm trái ngược. Nhưng pho thứ nhất quyển tám ở trước nói: Tham, có cả hai thứ, nghĩa là bất tịnh là trái ngược với tịnh, khổ là trái ngược với vui. Chỉ vì ngoại đạo bám giữ lấy giới tà, chấp tà kiến cho là giới kiến thủ, cầu sinh lên cõi trời v.v... Tham này vì vượt hơn nên gọi là riêng hai thứ tham này là tâm tham trái ngược. Thường kiến chấp ngã v.v... khác, tất cả hữu tình đều có nghĩa chung, vì ẩn, nên không nói. Nếu theo văn này, thì ngoại đạo phạm phu khởi ngã thường trái ngược, cũng là tâm ngược thì tâm trái ngược chung cho cả hai chúng tại gia, xuất gia khởi. Tuy nhiên, nay theo văn này, người tại gia đối với cảnh dục, khởi ngược, gọi là chung là tâm ngược vì tham gia tăng vượt hơn. Ngoại đạo được gọi là kiến ngược, vì tác dụng của kiến chấp vượt hơn. Nhưng kiến trái ngược, không thể nói rằng chúng tại gia khởi, nên đoạn văn này khác với tám đoạn văn trước. Lại giải thích: Phẩm tại gia, như đoạn

văn này, đối với ngã thường, thật sự khởi tâm trái ngược, nhưng ngoại đạo v.v... cũng chấp ngã thường. Do chấp chung nên đoạn văn trước chỉ nói lạc, tịnh là tâm trái ngược phẩm tại gia khởi ngã thường, còn kiến trái ngược thì chung cả phẩm tại gia, xuất gia khởi nên không nói riêng lạc, tịnh, người tại gia khởi. Nghĩa tham gia tăng, được gọi là tâm ngược đồng với văn luận này nói tại gia khởi tâm trái ngược, xuất gia khởi kiến ngược. Vì thế, cách thích là trước là vượt hơn. Tuy nhiên y theo theo lý để luận, thì người tại gia đã làm không khởi kiến ngược, người xuất gia khởi tham ngược. Tham tà hai thủ giới kiến làm nhân giải thoát sinh lên cõi trời. Nếu thực hành theo giải thích này thì tướng ngược chung cả kiến, tu dứt trừ, dùng làm hai thứ trái ngược: tâm, và kiến vì nương tựa nhau. Kiến ngược chỉ kiến đạo dứt trừ, vì ngoại đạo xuất gia khởi. Nếu tâm ngược thì chung cho cả phẩm tại gia, xuất gia khởi, chung cho kiến, tu dứt trừ. Lại, chỉ có kiến là dứt trừ phân biệt đã sinh.

Luận sư Trắc nói theo luận Phật tánh, tướng kia được gọi là tướng trái ngược, nội tại, gọi là kiến trái ngược, tâm gọi là tâm trái ngược. Nay theo luận này bốn ngược tương ứng với tướng, gọi là tướng trái ngược. Tuệ chấp thường v.v... gọi là kiến trái ngược; Tham, gọi là tâm trái ngược. Bồ khuyết rằng một phần xuất gia, nghĩa là đối với pháp Phật xuất gia, nên gọi là ngoại đạo cho là một phần xuất gia.

Pháp sư Thái nói bình đẳng có thể phân biệt rõ được tất cả cảnh v.v..., gọi là “đẳng liễu”, cũng có thể phân biệt rõ được pháp kia, gọi là đẳng liễu.

Môn tự tánh đầu tiên của năm tướng tạo tác, đã giải thích xong.

